TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 9 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thức.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Báu và bà Bùi Thị Thanh Yên.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn B - sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa *(yêu cầu vắng mặt);*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa *(yêu cầu vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2025, lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu tiến đến chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là UBND phường Đ, tỉnh Khánh Hòa). Vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 4 người con nhưng cách đây khoảng 4 – 5 năm bà N theo bạn bè ăn chơi rồi quan hệ với người đàn ông khác. Lúc đầu ông nghe người dân báo lại nhưng ông không tin và tự theo dõi thì bắt quả tang, ông bực tức có đánh bà N thì bà N bỏ đi sống với người đàn ông khác đến khi xảy ra đánh nhau thì quay lại sống với ông được 4 tháng lại tục quan hệ với người đàn ông khác và bỏ nhà đi sống ly thân đến nay. Ông không thể tha thứ cũng như sợ các con bức xúc gây án nên ông làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống sinh được 04 người con gồm: Võ Văn T, sinh ngày 07/3/2007 hiện đã đủ 18 tuổi, lao động được, Võ Văn A, sinh ngày 16/02/2008, Võ Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và Võ Văn D, sinh ngày 11/8/2017. Hiện cháu A và cháu T1 nghỉ học đi làm còn cháu D bắt đầu đi học và đều do ông nuôi dưỡng. Bà N bỏ đi không hề quan tâm, chăm sóc con nên ông yêu cầu nuôi các con và bảo đảm chăm sóc các con phát triển tốt; ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ở chung với cha mẹ nên không có tài sản riêng.

Tại biên bản lấy khai ngày 11/8/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Võ Văn B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được 4 đến 5 năm thì xảy ra mẫu thuẫn do không có tiếng nói chung; vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên không thể hàn gắn. Nay ông B làm đơn xin ly hôn thì bà chấp nhận.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 04 người con chung gồm: Võ Văn T, sinh ngày 07/3/2007 hiện đã đủ 18 tuổi, lao động được; Võ Văn A, sinh ngày 16/02/2008; Võ Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và Võ Văn D, sinh ngày 11/8/2017; các con hiện đang do ông Võ Văn B nuôi dưỡng. Bà đồng ý giao các con cho ông B chăm sóc, nuôi dưỡng theo yêu cầu của ông B.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt vì không muốn gặp ông B.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định vợ chồng ông B, bà N xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B được ly hôn bà Nguyễn Thị N và được nuôi con; ông B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn là bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa nên xác định đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Khánh Hòa.

[2]. Nguyên đơn ông Võ Văn B và bị đơn bà Nguyễn Thị N đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 07/8/2013 của UBND phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là UBND phường Đ, tỉnh Khánh Hòa); thời điểm đăng ký đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên xác định hôn nhân giữa ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp.

[3.2]. Quá trình chung sống, do ông B và bà N xảy ra mâu thuẫn, đánh đập nhau nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ lâu. Quá trình giải quyết, bà N kiên quyết không gặp ông B và yêu cầu không tiến hành hòa giải cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được; nay bà N cũng thống nhất ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của ông B được ly hôn bà N.

[3.3]. Về con chung: Căn cứ các giấy khai sinh số 160/2013 và 161/2013 của UBND xã C, số 159/2013 và 362 của UBND xã P, xác định vợ chồng ông B, bà N có 04 người con chung, trong đó 01 người con chung là Võ Văn T, sinh ngày 07/3/2007 hiện đã đủ 18 tuổi, lao động được; các cháu Võ Văn A, sinh ngày 16/02/2008, Võ Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và Võ Văn D, sinh ngày 11/8/2017 còn ở độ tuổi vị thành niên và đều đang sống với ông Võ Văn B; ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con là phù hợp nguyện vọng các con, phù hợp ý kiến của bà N nên chấp nhận. Do ông B không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn ông Võ Văn B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 28, 39, 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn B được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao ông Võ Văn B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung: Võ Văn A, sinh ngày 16/02/2008; Võ Văn T1, sinh ngày 12/01/2009 và Võ Văn D, sinh ngày 11/8/2017.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Ông Võ Văn B chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000587 ngày 31/7/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 8 - Khánh Hòa;
- UBND xã Cà Ná;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Thức